

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2026

Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ năm 2026

BẢN TIN TUẦN 11
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 09/9/2026, DỰ BÁO
NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 10/9 ĐẾN NGÀY 19/9/2026

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 10/9/2026

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 02/9 – 08/9/2026, trên lưu vực sông Mê Công ảnh hưởng chủ yếu bởi gió mùa Tây Nam. Hình thái thời tiết này gây mưa ở mức trung bình trên lưu vực. Lượng mưa phổ biến từ 10 - 100 mm, chỉ một số nơi trên khu vực Đông Nam Thái Lan lượng mưa trên 100 mm, [xem Hình 2].

1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

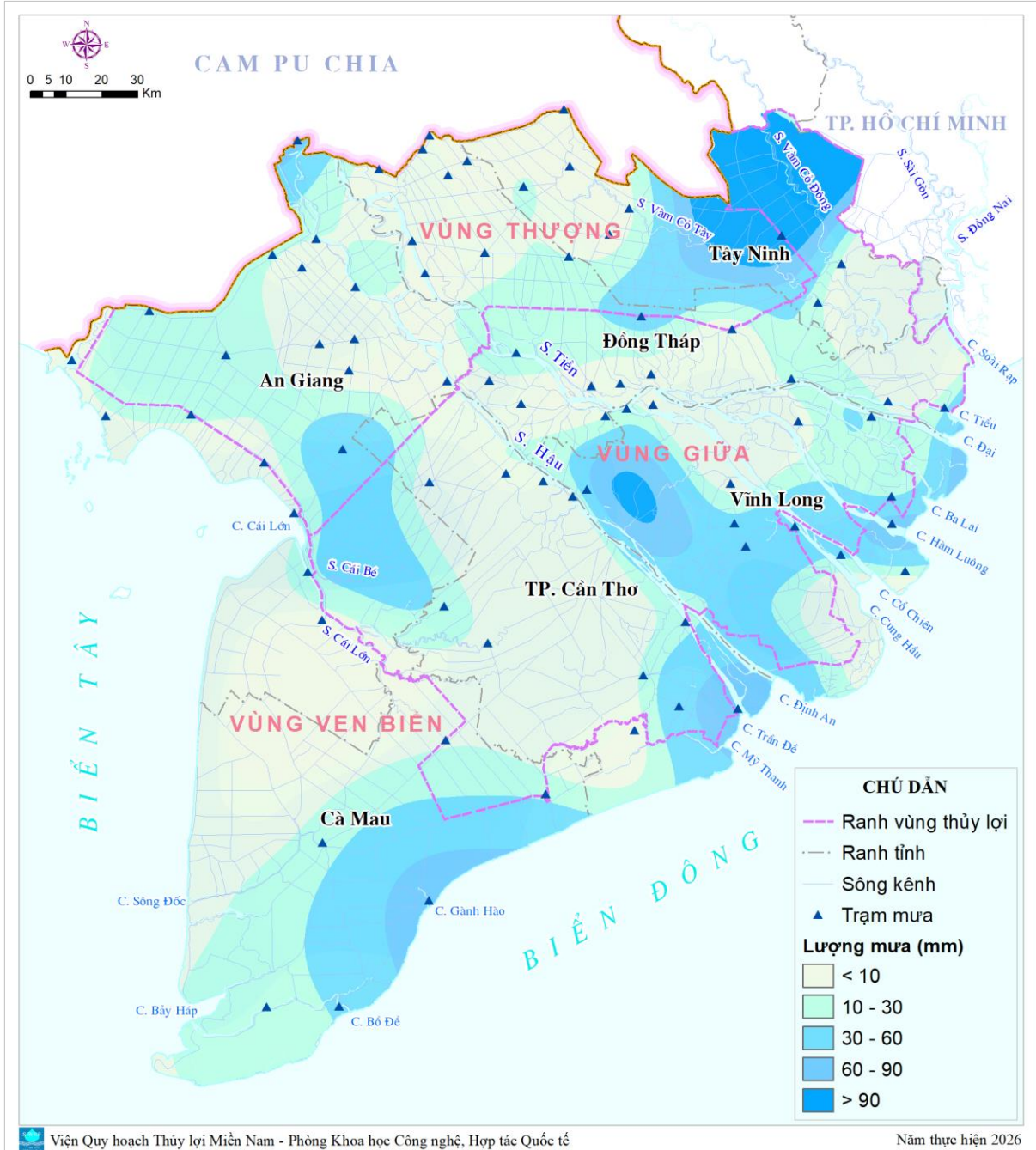
Lượng mưa lũy tích từ ngày 03/9 – 09/9/2026 trên vùng ĐBSCL ở mức thấp và phân bố không đều, lượng mưa phổ biến từ 10-30 mm, một số nơi lượng mưa trên 50 mm, [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

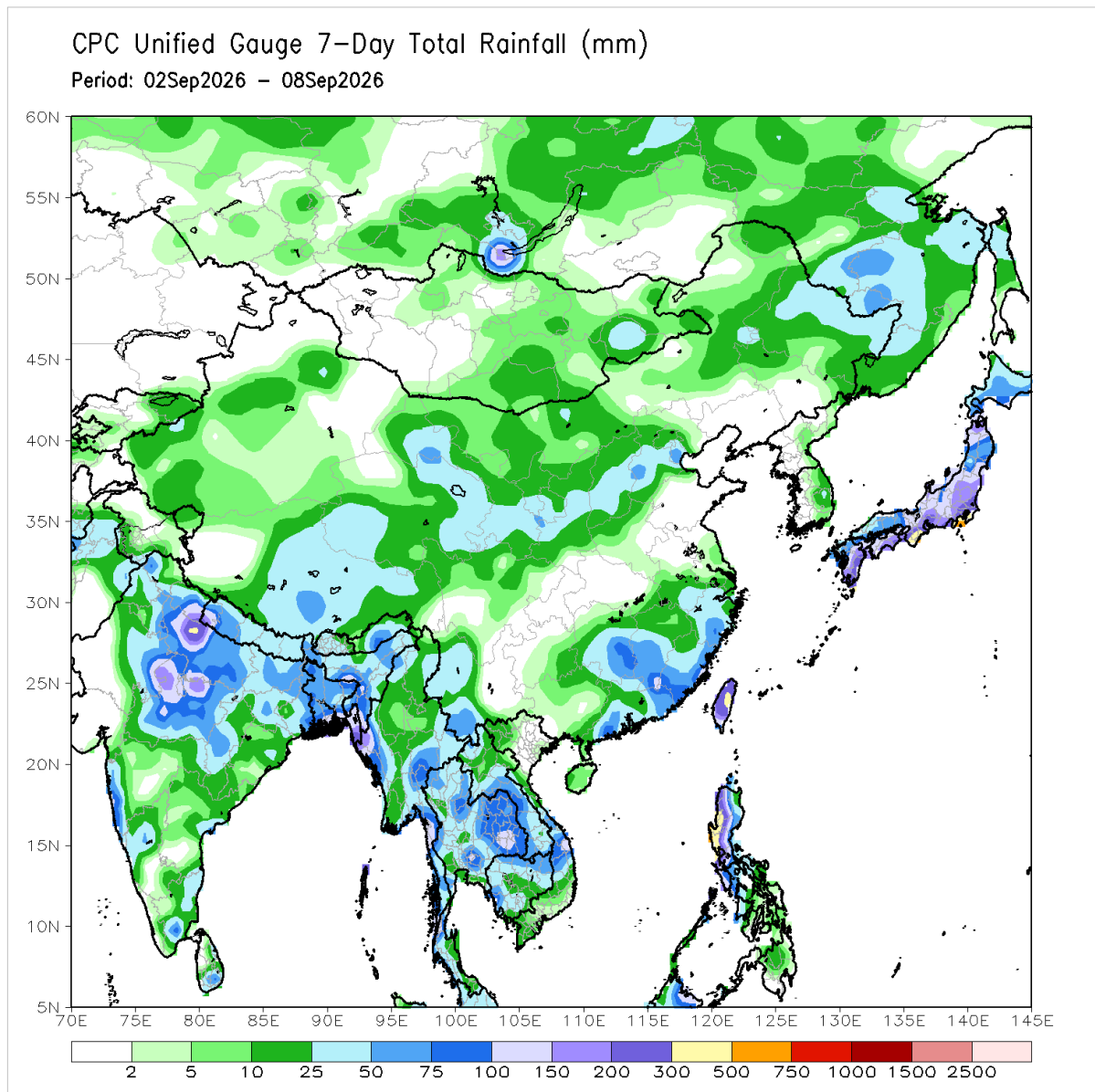
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			03/9	04/9	05/9	06/9	07/9	08/9	09/9	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	0,0	0,0	0,0	2,6	0,0	0,0	3,8	6,4
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	0,0	0,0	1,6	0,0	12,4	0,0	4,4	18,4
3	Bến Tre	Vĩnh Long	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	0,0	0,0	4,2	2,0	0,0	0,0	47,8	54,0
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	0,0	4,0	9,6	0,0	0,0	0,4	0,0	14,0
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,2	17,4	4,2	21,8
7	Vị Thanh	Cần Thơ	0,2	2,4	4,2	0,2	7,8	0,0	9,8	24,6
8	Cần Thơ	Cần Thơ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	7,9	7,9

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			03/9	04/9	05/9	06/9	07/9	08/9	09/9	
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	0,6	13,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,7	14,9
10	Rạch Giá	An Giang	0,6	2,4	0,0	0,0	0,0	0,0	3,0	6,0
11	Bạc Liêu	Cà Mau	4,8	20,4	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25,2
12	Cà Mau	Cà Mau	0,0	6,3	14,5	0,0	0,0	0,0	0,0	20,8
Trung bình			0,5	4,1	2,8	0,4	1,7	1,5	6,8	17,8

Nguồn: Đài KTTV Khu vực Nam bộ



Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 03/9 - 09/9/2026 trên vùng ĐBSCL

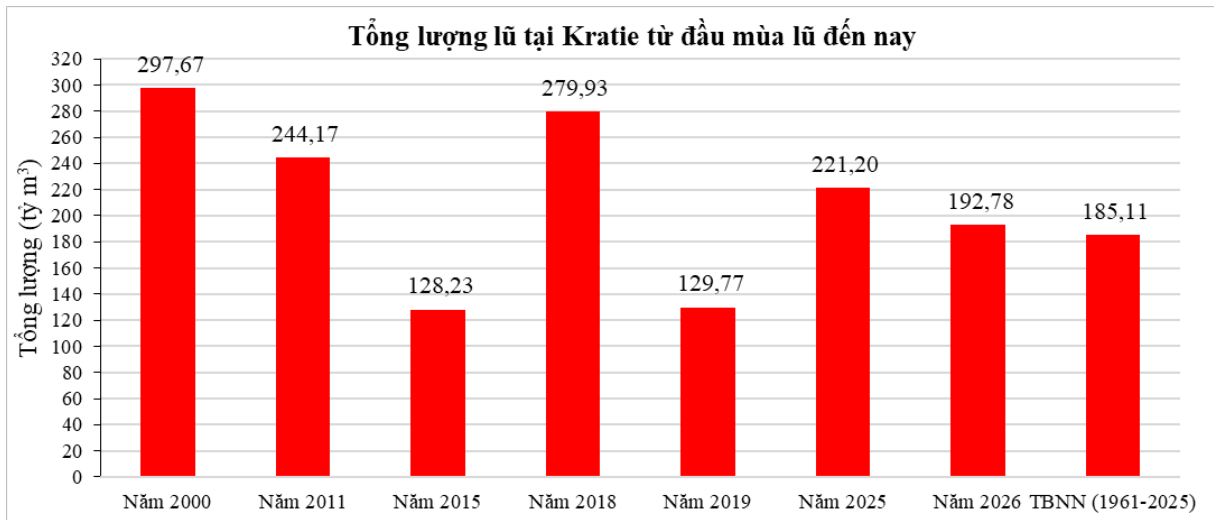


Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ ngày 02/9 - 08/9/2026 trên lưu vực sông Mê Công

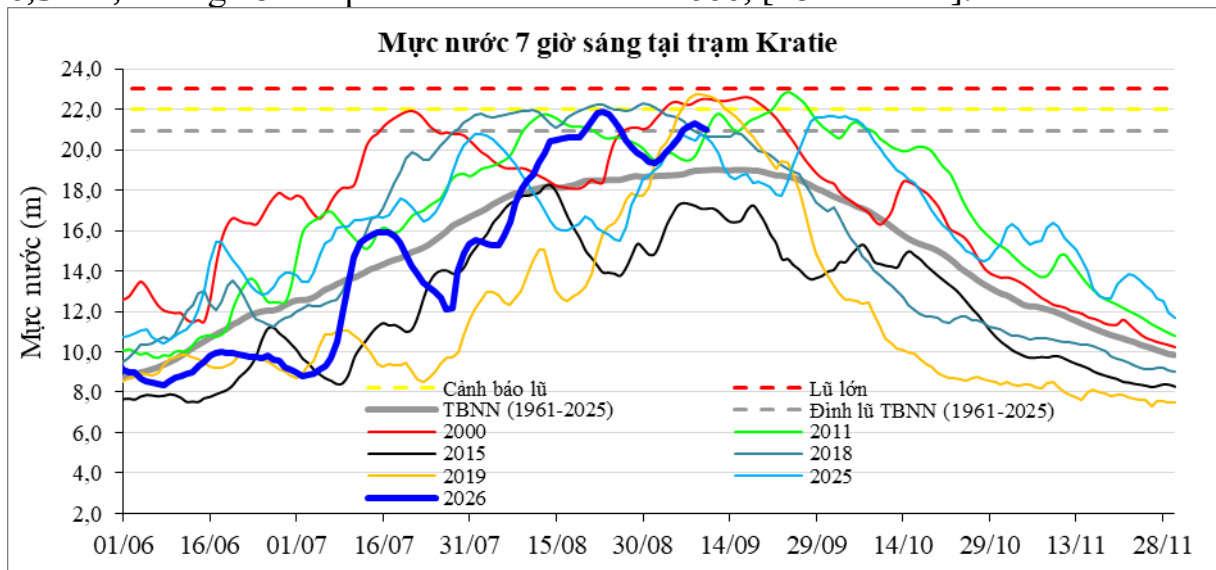
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 10/9/2026

Tại Kratie: Tổng lượng lũ từ ngày 01/6 đến 10/9/2026 tại Kratie đạt khoảng 192,78 tỷ m³. So với cùng kỳ: lớn hơn TBNN(1961-2025) khoảng 4%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 13%; nhỏ hơn nhiều các năm 2018, 2000, 2011; nhưng lớn nhiều so với năm 2019 và năm 2015, [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 10/9/2026

Mức nước tại Kratie trong tuần qua đang ở mức cao và có xu thế tăng đến ngày 08/9/2026 với cường suất trung bình 28 cm/ngày, sau đó giảm trở lại với cường suất trung bình 15 cm/ngày. Đến ngày 10/9/2026 mức nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 21,01 m. So với cùng kỳ: cao hơn khá nhiều TBNN (1961-2025); cao hơn năm 2025 0,42 m; cao hơn năm 2011 0,06 m; cao hơn năm 2018 0,34 m; nhưng còn thấp hơn khá nhiều năm 2000, [xem Hình 4].

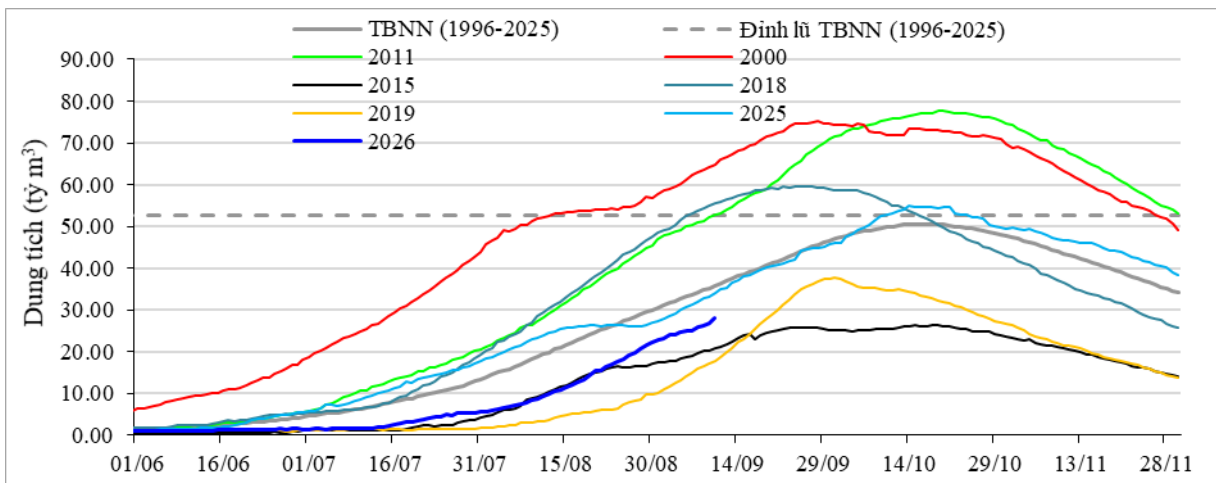


Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 10/9/2026

Tại Biển Hồ: Dung tích Biển Hồ tuần qua ở mức thấp và có xu thế tăng. Đến ngày 10/9/2026 dung tích đạt 28,14 tỷ m³. So với cùng kỳ: thấp hơn khá nhiều TBNN (1996-2025) và các năm 2025; thấp hơn nhiều các năm 2018, 2000 và 2011; chỉ cao hơn khá nhiều năm 2015 và năm 2019, [xem Bảng 2 và Hình 5].

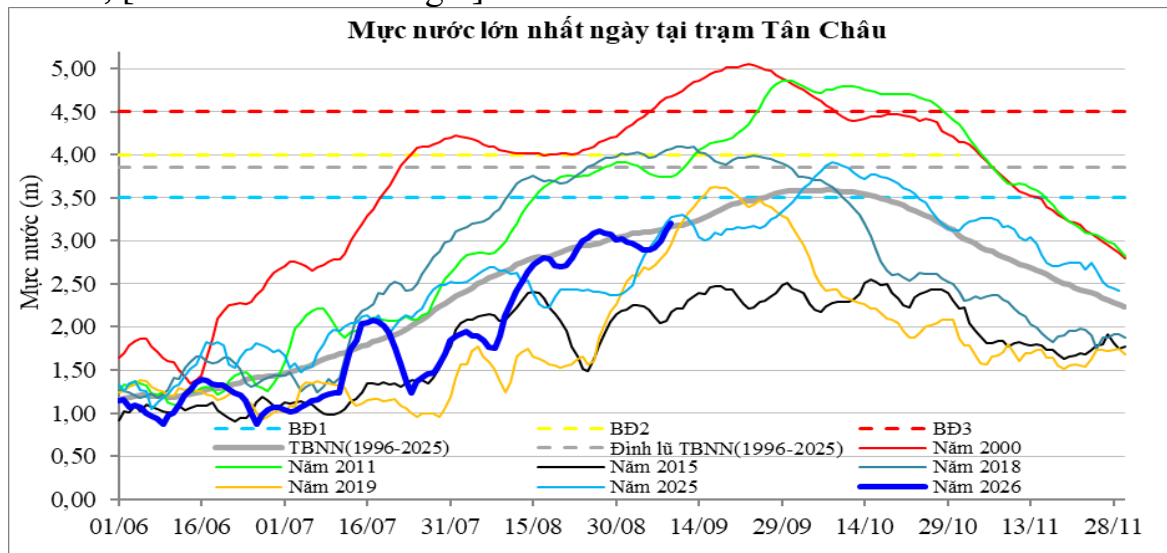
Bảng 2. Mức nước và dung tích Biển Hồ đến ngày 10/9/2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2025)
1	Mức nước (m)	6,19	6,84	4,90	8,84	5,29	8,61	9,58	7,02
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-0,65	1,29	-2,65	0,90	-2,42	-3,39	-0,83
2	Dung tích (tỷ m ³)	28,14	34,06	17,89	55,55	20,83	52,90	64,81	35,72
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-5,92	10,25	-27,41	7,31	-24,76	-36,67	-7,58



Hình 5. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 10/9/2026

Tại Tân Châu: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua có xu thế giảm đến ngày 05/9 với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày, sau đó tăng trở lại với cường suất trung bình 8,0 cm/ngày. Mức nước lớn nhất ngày 09/9/2026 đạt 3,20 m. So với cùng kỳ: cao hơn TBNN (1996-2025) 0,04 m; xấp xỉ năm 2025; cao hơn năm 2019 0,23 m; cao hơn nhiều năm 2015; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 6 và Bảng 3].



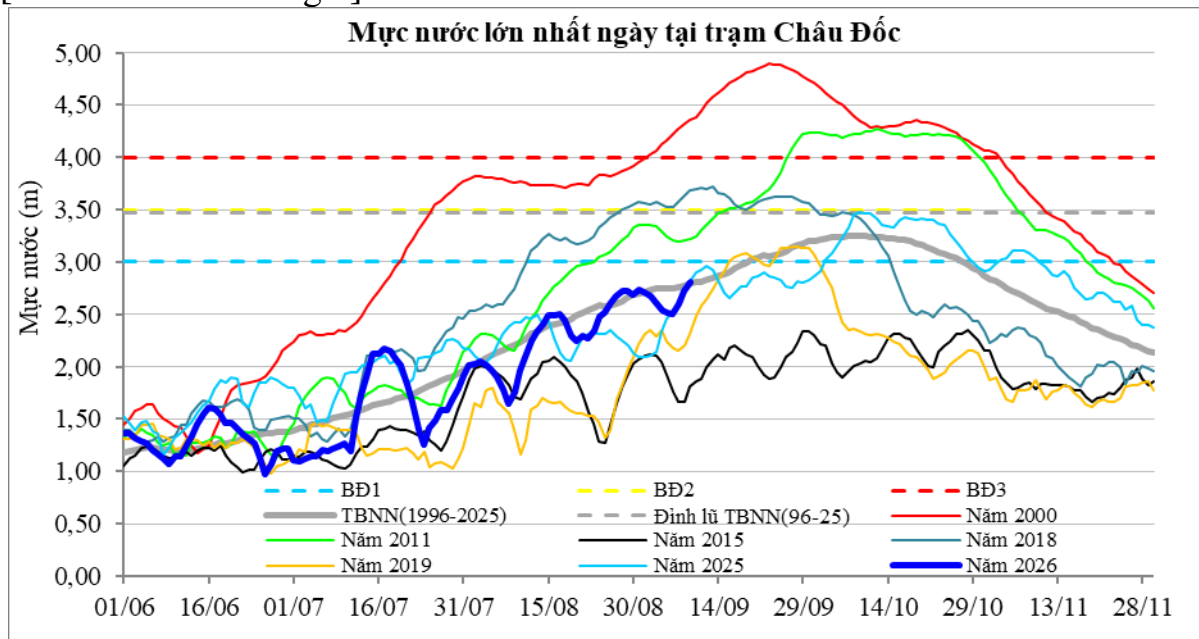
Hình 6. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Tân Châu đến ngày 09/9/2026

Bảng 3. Mực nước Max ngày tuần qua tại trạm Tân Châu năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
03/9	2,93	2,49	2,59	4,03	2,25	3,87	4,41	3,09	-0,16	0,44
04/9	2,89	2,67	2,69	4,00	2,24	3,82	4,45	3,10	-0,21	0,22
05/9	2,89	2,82	2,67	3,97	2,20	3,78	4,50	3,10	-0,21	0,07
06/9	2,92	2,91	2,72	3,98	2,11	3,76	4,55	3,11	-0,19	0,01
07/9	3,00	3,00	2,79	4,02	2,05	3,74	4,61	3,13	-0,13	0,00
08/9	3,12	3,09	2,86	4,05	2,07	3,75	4,66	3,14	-0,02	0,03
09/9	3,20	3,21	2,97	4,07	2,17	3,75	4,68	3,16	0,04	-0,01

Tại Châu Đốc: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua có xu thế giảm đến ngày 06/9 với cường suất trung bình 4 cm/ngày, sau đó tăng trở lại với cường suất trung bình 10 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 09/9/2026 đạt 2,81 m. So với cùng kỳ: cao hơn TBNN (1996-2025) 0,02 m; bằng năm 2025; cao hơn năm 2019 0,49 m; cao hơn nhiều năm 2015; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 7 và Bảng 4].



Hình 7. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Châu Đốc đến ngày 09/9/2026

Bảng 4. Mực nước Max ngày tuần qua tại trạm Châu Đốc năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
03/9	2,62	2,14	2,29	3,57	2,10	3,34	4,07	2,74	-0,12	0,48
04/9	2,54	2,34	2,35	3,55	2,05	3,29	4,13	2,75	-0,21	0,20
05/9	2,51	2,46	2,24	3,53	1,92	3,24	4,16	2,74	-0,23	0,05
06/9	2,50	2,54	2,18	3,53	1,76	3,21	4,22	2,75	-0,25	-0,04
07/9	2,60	2,62	2,15	3,58	1,67	3,19	4,27	2,76	-0,16	-0,02
08/9	2,72	2,72	2,20	3,64	1,67	3,21	4,32	2,77	-0,05	0,00
09/9	2,81	2,81	2,32	3,68	1,81	3,22	4,36	2,79	0,02	0,00

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua ở mức khá cao (xấp xỉ TBNN, cao hơn cùng kỳ năm 2025) và có xu thế giảm đến ngày 05-06/9/2026, sau đó tăng trở lại theo triều và lũ đầu nguồn tăng, [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,89→3,20	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,50→2,81	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	-	
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	1,67→1,81	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	1,90→2,04	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	1,87→2,01	↑
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,05→1,10	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	0,75→0,82	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	3,10→3,32	↑
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,44→2,57	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	-	
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,52→2,82	↑
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,59→1,66	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,24→1,41	↑
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	2,49→2,44	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	3,90→4,14	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,34→1,30	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,20→2,60	↑
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	1,84→2,31	↑

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,36→1,29	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,01→0,96	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	-	

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu
Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua ở mức khá thấp (thấp hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025) và có xu thế giảm đến ngày 05-06/9/2026, sau đó tăng trở lại theo triều, [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,26→1,76	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,06→1,65	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	-	
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	0,73→0,94	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,06→1,21	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	0,95→1,14	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	0,82→0,97	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	0,80→1,21	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	0,72→1,03	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	0,98→1,54	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	0,79→1,29	↑
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,59→2,09	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	1,65→1,90	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,41→1,66	↑
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,79→0,76	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	-	
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,09→1,34	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,80→0,83	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,15→1,38	↑

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,04→1,41	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	0,81→0,84	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua ở mức khá thấp (thấp hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025) và có xu thế giảm đến ngày 05-06/9/2026, sau đó tăng trở lại theo triều, [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	0,90→1,21	↑
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	0,85→1,10	↑
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	0,99→1,29	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,10→1,52	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,30→1,62	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	-	
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	-	
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	0,92→1,00	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,23→1,09	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,72→0,96	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,51→0,59	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,61→0,82	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,65→0,92	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	0,94→1,21	↑
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Năm 2026, kế hoạch xuống giống vụ lúa Hè Thu trên ĐBSCL là 1.472.822

ha, xấp xỉ diện tích xuống giống năm 2025. Ngày 24/7/2026, vùng ĐBSCL đã kết thúc xuống giống với diện tích 1.466.057 ha (đạt 99,5% so với kế hoạch), trong đó TP. Cần Thơ và tỉnh Cà Mau có diện tích xuống giống vượt kế hoạch. Đến nay diện tích đã thu hoạch trên toàn đồng bằng khoảng 961.341 ha (đạt khoảng 66% so với diện tích xuống giống).

Kế hoạch xuống giống vụ lúa Thu Đông năm 2026 là 763.601 ha (bao gồm cả phần diện tích ngoài vùng ĐBSCL của tỉnh Tây Ninh do chưa tách riêng được phần sản xuất lúa thuộc vùng ĐBSCL). Hiện tại đã xuống giống được 386.408 ha (tương đương 51% so với kế hoạch). Ở một số xã của tỉnh Tây Ninh như Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh và một số xã ở Đồng Tháp như Trường Xuân, Thạnh Phú, Tân Phú đã lác đác có diện tích thu hoạch, tổng cộng khoảng 3.304 ha [xem 0].

Diễn biến sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đến ngày 04/9/2026

TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)		
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch
1	Tây Ninh	267.120	147.176	119.944	124.500	41.785	2.085
2	Đồng Tháp	216.381	180.524	35.857	149.500	107.490	1.219
3	Vĩnh Long	104.697	40.774	63.923	109.600	19.108	-
4	An Giang	499.700	302.697	197.003	247.700	116.529	-
5	Cần Thơ	284.022	284.022	-	98.250	99.764	-
6	Cà Mau	94.137	6.148	87.989	34.051	1.732	-
Tổng		1.466.057	961.341	504.716	763.601	386.408	3.304

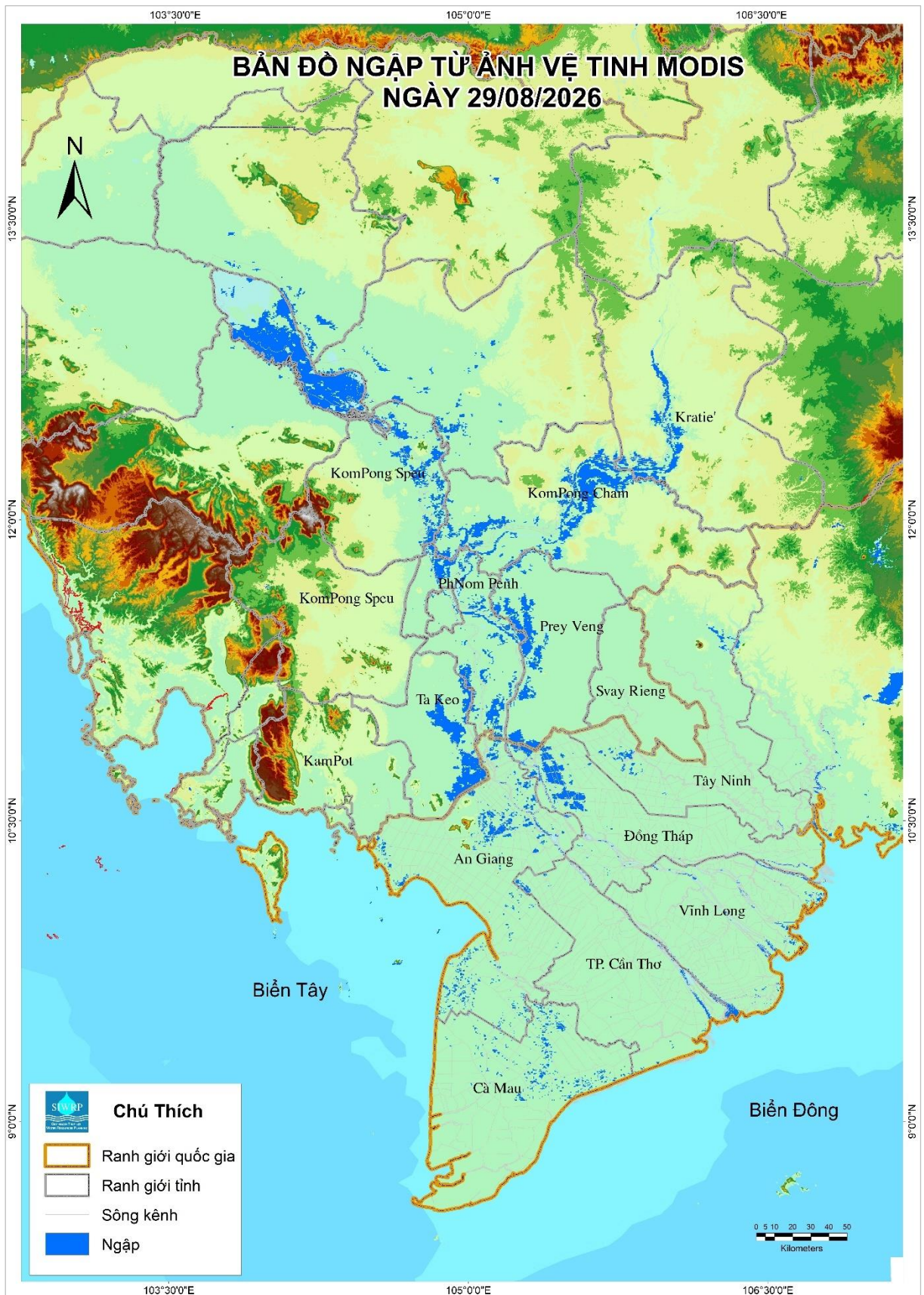
* Diện tích sản xuất của cả tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập

Nguồn: Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1.5 Tình hình ngập úng, thiệt hại do mưa, lũ và triều cường

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 29/08/2026 cho thấy, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công đã xảy ra ngập nhiều nơi trên các khu vực trũng thấp ven sông thuộc 2 tỉnh Prey Veng và Takeo của Campuchia. Vùng ĐBSCL đã xảy ra ngập khá nhiều nơi, chủ yếu là trên các khu vực ô bao kiểm soát lũ tháng 8 thuộc vùng ĐTM và TGLX, đã thu hoạch xong lúa Hè Thu người dân chủ động xả lũ vào đồng ruộng.

Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 8].



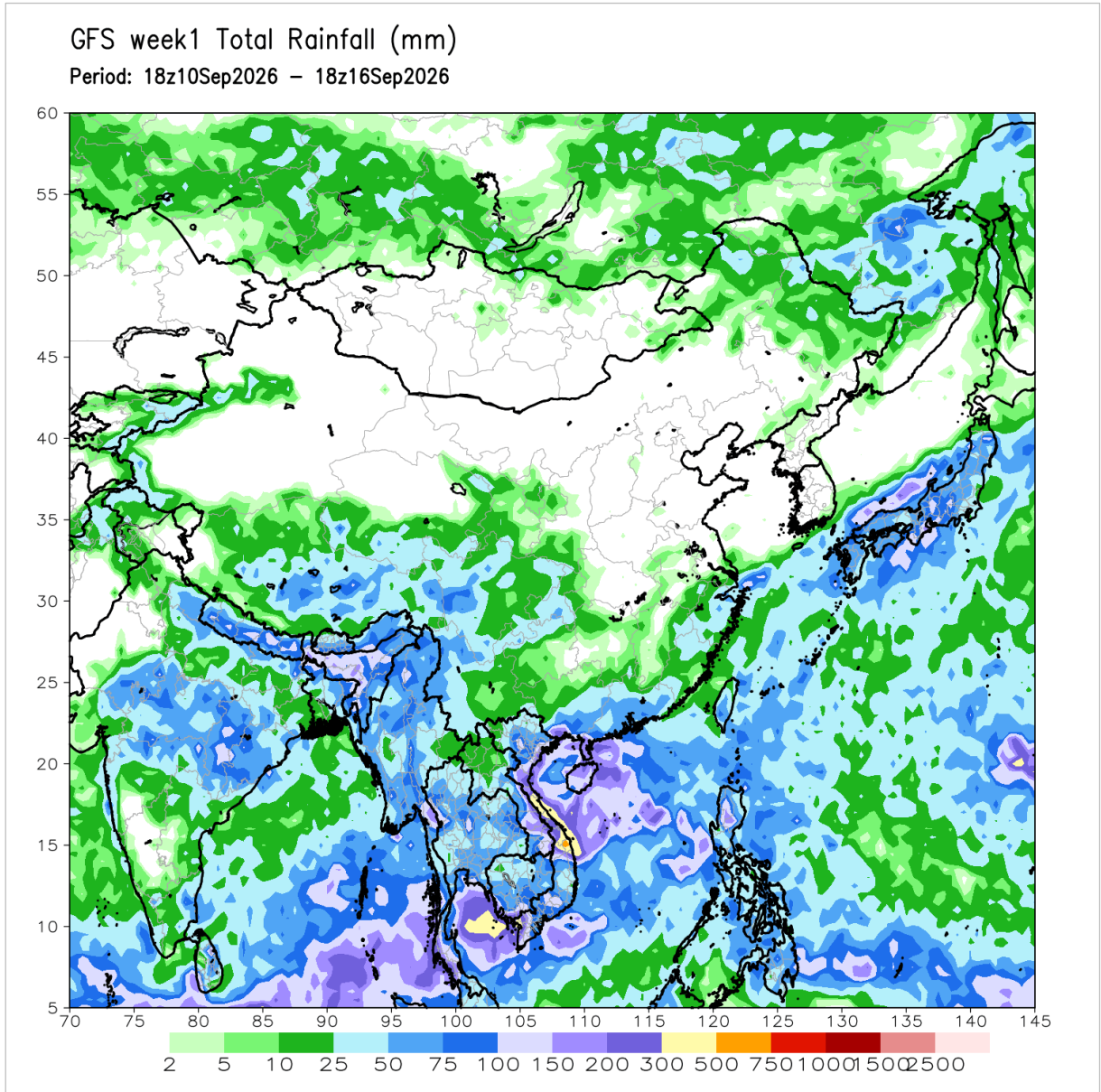
Hình 8. Bản đồ ngập giải đoán từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 29/8/2026

Theo thông tin từ địa phương, tuần qua chưa ghi nhận thiệt hại sản xuất do tác động của mưa, lũ, triều cường.

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THUỜNG NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức khá cao do tác động của gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh và ATNĐ trên biển Đông. Lượng mưa dự báo cao nhất tập trung trên khu vực trung hạ Lào từ 75-200 mm, các khu vực khác lượng mưa phổ biến dưới 75 mm, [xem Hình 9].



Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 9. Dự báo mưa lũy tích tuần tới từ ngày 10/9 - 16/9/2026 khu vực hạ lưu sông Mê Công

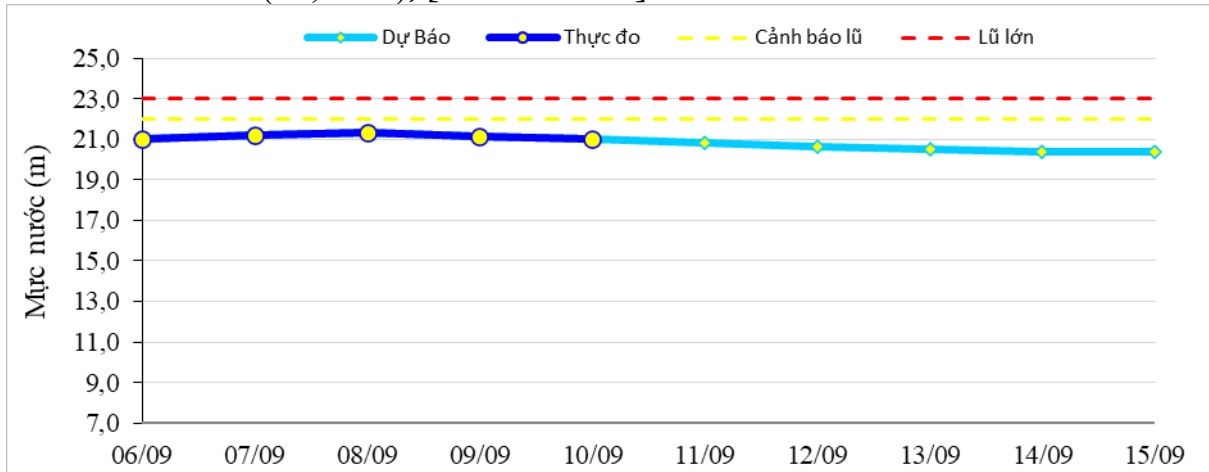
Theo kết quả Downscaling từ mô hình dự báo mưa toàn cầu NOAA, mưa dự báo trên vùng ĐBSCL lũy tích trong 7 ngày tới ở mức cao biến từ 80-150 mm, lượng mưa cao nhất tập trung vào ngày 13/9, [xem Bảng 8].

Bảng 8. Dự báo mưa 7 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	16/9	17/9	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	16,5	11,7	13,9	19,1	13,5	10,4	5,8	90,9
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	26,2	20,7	9,9	11,7	7,7	5,3	3,5	84,9
3	Bến Tre	Vĩnh Long	28,2	19,4	8,2	12,9	6,6	5,9	3,3	84,5
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	26,3	14,4	7,5	11,5	6,9	7,1	1,4	75,2
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	35,1	14,9	15,1	17,3	12,7	2,7	2,2	99,9
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	62,2	13,1	41,7	35,8	16,6	4,7	3,0	177,0
7	Vị Thanh	Cần Thơ	20,0	31,8	34,0	23,7	24,4	1,3	4,8	140,0
8	Cần Thơ	Cần Thơ	18,3	14,7	14,9	15,4	15,4	2,1	2,9	83,6
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	14,6	13,5	13,6	9,9	12,2	7,8	5,5	77,1
10	Rạch Giá	An Giang	40,7	31,1	190,4	125,0	36,1	4,3	3,0	430,5
11	Bạc Liêu	Cà Mau	18,0	40,0	29,1	11,3	14,6	8,3	3,2	124,5
12	Cà Mau	Cà Mau	8,0	34,7	19,1	25,4	26,0	2,4	1,7	117,2
Trung bình			26,2	21,7	33,1	26,6	16,1	5,2	3,3	132,1

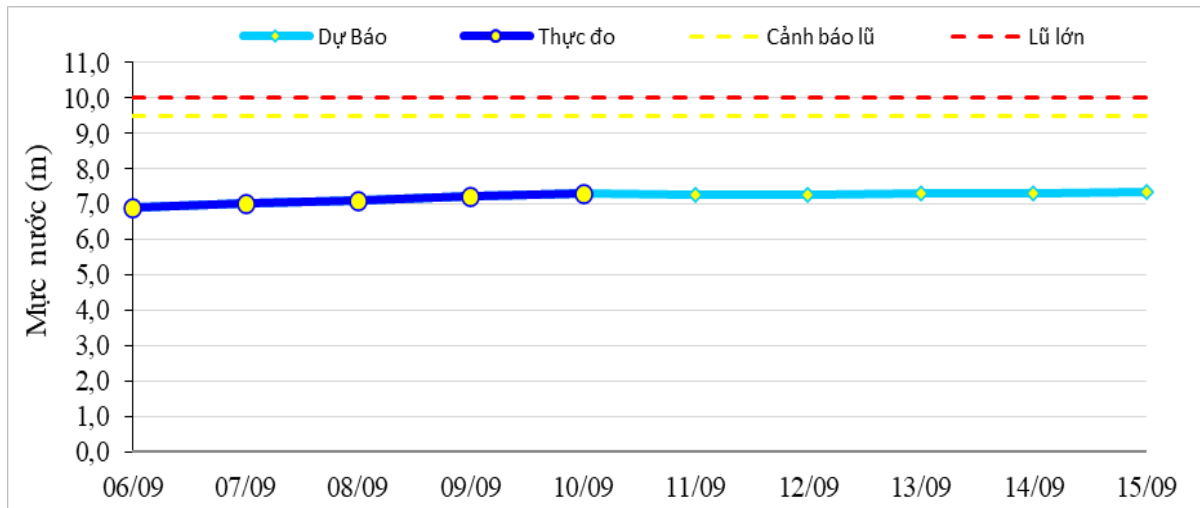
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Theo kết quả dự báo của Ủy hội sông Mê Công (MRC) cho thấy, mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế giảm đến ngày 14/9 với cường suất trung bình 11,0 cm/ngày, sau đó tăng trở lại với cường suất trung bình 6 cm/ngày. Dự báo đến ngày 15/9/2026 đạt 20,65 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (22,00 m), [xem Hình 10].



Hình 10. Dự báo mực nước 5 ngày từ 11/9-15/9/2026 tại Kratie

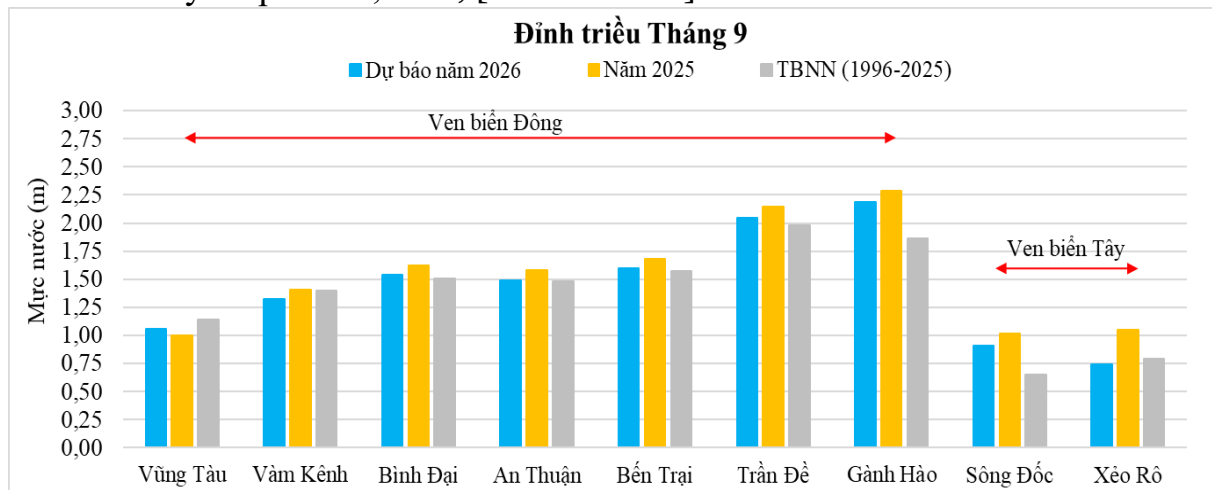
Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế tăng với cường suất trung bình 6,4 cm/ngày, dự báo đến ngày 15/9/2026 đạt 7,61 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m), [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 11/9-15/9/2026 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Triều hiện đang ở mức khá cao và dự báo tiếp tục tăng trong 2 đến 3 ngày tới, sau đó giảm trở lại. Theo kết quả dự báo triều của viện Kỹ thuật Biển, đỉnh triều dự báo tháng 9 năm 2026 phổ biến cao hơn TBNN (1996-2025) nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, cao hơn TBNN (1996-2025) bình quân khoảng 0,06 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,04 m, khu vực các trạm ven biển Tây cao hơn 0,11 m. Thấp hơn năm 2025 bình quân khoảng 0,10 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông thấp hơn 0,07 m, khu vực các trạm ven biển Tây thấp hơn 0,21 m, [xem Hình 12].



Hình 12. Mực nước dự báo Max tháng 9 năm 2026 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 9 năm 2026 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 cao nhất tháng rơi vào tuần 2 tháng 9, đợt 2 rơi vào 3 ngày cuối tháng 9 là đỉnh cao nhất tháng 9, cao hơn khá nhiều so với đợt 1. Chỉ riêng các trạm ven biển Tây đỉnh 1 xấp xỉ và cao hơn đỉnh 2, [xem Bảng 9].

Bảng 9. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 9 năm 2026

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	0,98	12/9	1,06	28/9
2	Vàm Kênh	1,24	12/9	1,32	29/9
3	Bình Đại	1,45	12/9	1,54	29/9
4	An Thuận	1,40	12/9	1,49	28/9
5	Bến Trại	1,52	12/9	1,60	30/9
6	Trần Đề	1,91	12/9	2,05	30/9
7	Gành Hào	2,06	12/9	2,19	30/9
8	Sông Đốc	0,91	06/9	0,91	30/9
9	Xẻo Rô	0,74	07/9	0,67	30/9

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

III DỰ BÁO MỰC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mực nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 13].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

- + Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm
- + Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm
- + Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 13. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ ngày 03/9 đến 12/9/2026)

3.2.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại trạm Tân Châu và Châu Đốc được dự báo có xu thế tăng trong 05 ngày tới. Đến ngày 14/9, tại Tân Châu đạt 3,50 m, tại Châu Đốc đạt 3,10 m.

Mực nước trên các trạm nội đồng vùng Thượng dự báo ở mức khá cao. Mực nước các trạm thuộc khu vực Đồng Tháp Mười và khu vực Tứ giác Long Xuyên đều có xu thế tăng đến ngày 13-14/9 với cường suất trung bình 2,0-3,0 cm/ngày, sau đó giảm nhẹ trở lại và biến đổi theo triều, [xem Bảng 10].

Bảng 10. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,31→3,50	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,91→3,10	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	2,07→2,34	↑
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	1,85→2,10	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	2,10→2,33	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	2,06→2,31	↑
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,14→1,37	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	0,86→1,04	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	3,38→3,51	↑
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,68→3,00	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,57→2,81	↑
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	2,49→2,63	↑
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,95→2,84	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,71→1,87	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,53→1,32	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	2,67→2,47	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	4,17→4,28	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,37→1,83	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,77→2,62	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,47→2,24	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,38→1,51	↑
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,03→1,15	↑
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,59→0,72	↑
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	1,40→1,59	↑

*Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia
Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.*

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mực nước trên các trạm vùng Giữa dự báo phổ biến ở mức thấp. Mực nước có xu thế tăng đến ngày 13-14/9/2026 với cường suất trung bình 3,0 cm/ngày, sau đó giảm trở lại với cường suất trung bình 2,5 cm/ngày và biến đổi theo triều, [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,92→1,46	↓
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,82→1,26	↓
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	1,03→1,14	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,15→0,96	↓
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,34→1,04	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,26→1,11	↓
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,10→1,14	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,27→0,68	↓
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,14→0,67	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,59→1,02	↓
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,32→0,92	↓
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	1,38→0,88	↓
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,14→1,77	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,03→1,90	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,74→1,67	↓
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,58→1,15	↓
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,45→1,22	↓
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	0,43→0,48	↑
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,80→0,92	↑
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,40→1,28	↓
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,37→1,44	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,80→0,83	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,46→1,20	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,63→1,20	↓
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	0,63→0,66	↑
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	0,84→0,81	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	0,75→0,79	↑

Ghi chú: Trong cột H_{max} dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mực nước trên các trạm vùng Ven Biển dự báo phổ biến ở mức thấp. Mực nước trên các trạm thuộc khu vực ven biển Đông có xu thế tăng đến ngày 12-13/9/2026 với cường suất trung bình 4,0 cm/ngày, sau đó giảm trở lại với cường suất trung bình 3,0 cm/ngày. Mực nước trên các trạm thuộc khu vực ven biển Tây có xu thế tăng nhẹ và biến đổi theo triều, [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,45→0,98	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,40→0,96	↓
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,52→1,12	↓
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,56→1,14	↓
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	1,69→1,23	↓
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,91→1,43	↓
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,37→1,25	↓
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	1,32→1,36	↑
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	0,87→0,98	↑
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	0,84→0,95	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,23→1,11	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,66→0,84	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,57→0,54	↓
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,54→0,62	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,69→0,47	↓
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,93→1,05	↑
17	Vàm Rây	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,16→1,27	↑
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	0,51→0,50	↓
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	0,41→0,52	↑

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam gây mưa ở mức trung bình trên lưu vực. Mực nước tại trạm Kratie trong tuần qua ở mức cao và có xu thế tăng đến ngày 08/9, sau đó giảm trở lại, hiện ở mức cao hơn khá nhiều so với TBNN, cao hơn năm 2025. Tổng lượng lũ tại Kratie từ đầu mùa lũ đến nay ở mức cao hơn TBNN khoảng 3%, nhưng vẫn còn thấp hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 13%.

Tuần qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc có xu thế giảm đến ngày 05-06/9, sau đó tăng trở lại, hiện mực nước ở mức xấp xỉ TBNN và năm 2025 (Tân Châu đạt 3,2 m, Châu Đốc đạt 2,81 m). Mực nước nội đồng đều có xu thế giảm đến ngày 05-06/9/2026, sau đó tăng trở lại theo triều. Trong đó, vùng Thượng xấp xỉ TBNN, nhưng cao hơn cùng kỳ năm 2025. Vùng

Giữa và vùng Ven Biển đều đang ở mức thấp hơn TBNN và cùng kỳ năm 2025. Mức nước. Với mức lũ hiện nay các ô bao bảo vệ sản xuất đều đảm bảo an toàn.

Mức nước dự báo 5 ngày tới trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie có xu thế giảm, trạm Prek Kdam có xu thế tăng; dung tích Biển Hồ trong 5 ngày tới có xu thế tăng; mực nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc dự báo trong 5 ngày tới có xu thế tăng (đến ngày 14/9: Tân Châu đạt 3,5 m; Châu Đốc đạt 3,1 m); mưa dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công và ĐBSCL ở mức cao; thủy triều ở mức cao và tiếp tục có xu thế tăng trong 2 đến 3 ngày tới, sau đó giảm trở lại.

Trong 10 ngày tới, mực nước nội đồng vùng Thượng ở mức khá cao và có xu thế tăng đến ngày 13-14/9, sau đó giảm trở lại. Vùng Giữa và vùng Ven Biển dự báo biến đổi ở mức thấp và có xu thế tăng đến ngày 12-13/9/2026, sau đó giảm trở lại và biến đổi theo triều.

4.2 Kiến nghị

Tuần qua, mực nước trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie vẫn duy trì ở mức cao và dự báo giảm đến ngày 14/9, nhưng sau đó tăng trở lại. Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc hiện đang ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN và năm 2025. Mặt khác, theo nhận định của các Tổ chức trong và ngoài nước từ nay đến cuối mùa lũ năm 2026, đặc biệt trong thời đoạn từ nay đến cuối tháng 9 vẫn còn xuất hiện bão/áp thấp nhiệt đới trên biển Đông có nguy cơ gây mưa lớn trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công, làm mực nước lũ trên dòng chính sông Mê Công và lũ đầu nguồn sông Cửu Long tăng cao trong thời gian tới, **đặc biệt trong thời kỳ giữa tháng 9 và thời kỳ cuối tháng 9 đến nửa đầu tháng 10**. Vì vậy, kiến nghị các địa phương phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG

Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | |
|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| - Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi | - DD: 0913.106.641; | Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ | - DD: 0967.161.808; | Email: |
| Trần Đức Đông | - DD: 0989.872.205; | Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |